

KHOI PHAN TICH & TU VAN DAU TU VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

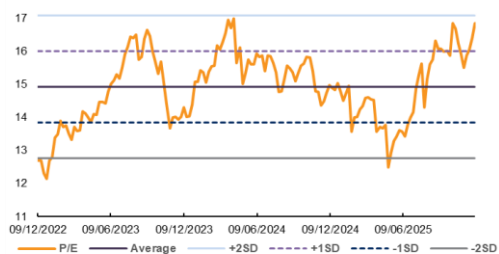
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.741,3	260,7	120,5
1 ngày (%)	0,2	-0,6	-0,4
1 tháng (%)	5,2	-2,3	3,4
Từ 2025	37,5	14,6	26,8
1 Năm (%)	37,4	13,5	29,6
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	7.691	411	919
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	0,8	1,6	0,5
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Thị trường "xanh vỏ đỏ lòng" khi áp lực bán lan rộng

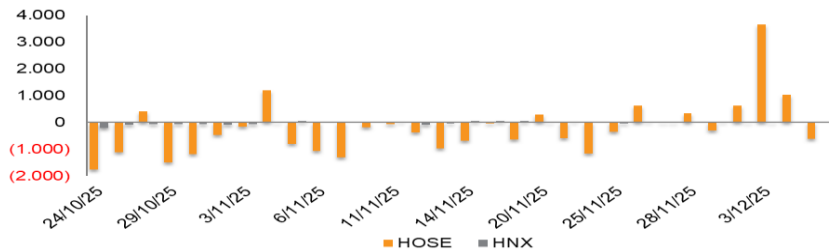
Phiên giao dịch ngày 05/12, thị trường chứng kiến diễn biến phân hóa mạnh và trạng thái "xanh vỏ đỏ lòng". Mặc dù chỉ số chung duy trì sắc xanh nhờ lực kéo mạnh mẽ từ nhóm cổ phiếu Vingroup, nhưng áp lực bán lại bao trùm lên phần lớn các nhóm ngành. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 4,08 điểm (+0,23%), tạm dừng chân ở mốc 1.741,32 điểm. Tuy nhiên, độ rộng thị trường nghiêng hẳn về phe bán với 211 cổ phiếu giảm điểm so với chỉ 101 cổ phiếu tăng điểm.

Chỉ số VN30 ghi nhận diễn biến trái chiều khi giảm -4,03 điểm (-0,20%), lùi về mức 1.975,50 điểm. Trong rổ VN30, sắc đỏ áp đảo với 24 cổ phiếu giảm điểm, chỉ có 3 cổ phiếu tăng điểm. Tâm điểm của thị trường hôm nay thuộc về cổ phiếu VIC khi tăng kịch trần (+7,0%), đóng vai trò đầu tàu hỗ trợ lớn nhất cho chỉ số chung và nhóm Bất động sản. Về nhóm ngành, áp lực bán gia tăng và lan rộng ra nhiều ngành, chỉ có Nhóm Bất động sản (+3,46%), nhóm Bảo hiểm (+1,8%) và Xây dựng & Vật liệu (+0,41%) ghi nhận diễn biến tích cực. Trong khi, nhóm Ngân hàng (-1,34%) suy yếu rõ rệt, gây sức ép lớn lên chỉ số. Các nhóm ngành quan trọng khác như Dịch vụ tài chính (-1,5%), Hóa chất (-1,4%), Dầu khí (-1,43%) và Công nghệ (-1,13%) đều chìm trong sắc đỏ.

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HSX đạt khoảng gần 20 nghìn tỷ đồng, giảm 21,3% so với phiên giao dịch trước đó và thấp hơn so với mức trung bình của 20 phiên gần nhất. Việc thanh khoản suy giảm trong bối cảnh chỉ số tăng nhờ kéo một vài cổ phiếu trụ trong khi số cổ phiếu giảm áp đảo là tín hiệu cho thấy tâm lý thị trường trở nên dè dặt và không còn chấp nhận nhập cuộc ở vùng giá cao. Điều này tiềm ẩn nhiều rủi ro trong ngắn hạn khi các cổ phiếu hỗ trợ thị trường này điều chỉnh, theo đó nhà đầu tư nên duy trì chiến lược giao dịch thận trọng. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao nên ưu tiên chốt lời ngắn hạn và hạ tỷ trọng, đồng thời kiểm soát tỷ lệ đòn bẩy margin ở ngưỡng an toàn. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao cần kiên nhẫn quan sát, chỉ mở vị thế mua mới, giải ngân thêm dò với tỷ trọng nhỏ tại các vùng hỗ trợ mạnh. Đối với các cổ phiếu mạnh hơn thị trường chung hoặc có nền tảng tích lũy tốt, tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục kỹ thuật.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,4	380,3	4,5	0,7	20,1	23,8	24,6	80,3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,9	27,0	3,0	-0,8	3,4	11,0	10,4	-1,6
Năng lượng	1,9	26,6	1,4	-1,5	-4,6	-5,0	-9,2	-30,3
Tài chính	39,0	11,2	1,8	-1,4	-0,9	27,5	29,2	-14,0
Chăm sóc sức khỏe	0,5	22,3	2,7	-0,1	0,9	2,7	3,3	-13,5
Công nghiệp	9,0	51,2	5,5	-0,2	4,6	123,3	130,0	28,1
Công nghệ thông tin	2,4	18,3	4,4	-1,2	-3,8	-24,8	-23,6	-26,8
Vật liệu xây dựng	6,1	15,4	1,7	-1,2	-0,5	7,8	5,1	-2,1
Bất động sản	26,0	82,4	5,1	4,0	22,7	383,6	378,4	-4,2
Dịch vụ tiện ích	3,8	14,9	2,0	-0,8	0,7	0,8	0,4	136,7

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ VND)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới mới nhất công bố ngày 02/12, OECD dự báo tăng trưởng GDP thế giới là 3,2% (2025), thấp hơn so với con số 3,3% (2024), trước khi giảm xuống 2,9% (2026) và phục hồi trở lại với 3,1% (2027).
- Trung Quốc: Tuần này, các ngân hàng quốc doanh lớn tăng cường mua USD trên thị trường trong nước để hãm đà tăng nhanh của Nhân dân tệ. Điểm khác thường là không thực hiện hoán đổi USD như thông lệ mà giữ ngoại tệ trực tiếp.

Tin vĩ mô trong nước

- OECD nâng mức tăng trưởng GDP Việt Nam lên 6,2% năm 2026 và 5,8% năm 2027, lưu ý rằng xuất khẩu có thể chịu áp lực nếu nhu cầu toàn cầu suy yếu.
- Chính phủ trình Quốc hội đề xuất bổ sung cơ chế đặc biệt cho dự án đường sắt cao tốc Bắc-Nam, gồm: 1) tách riêng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và di dời công trình điện ≥ 110 kV thành dự án độc lập, vốn từ ngân sách trung ương/địa phương; 2) ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định cơ chế, chính sách đặc thù khi Quốc hội không họp; 3) cho phép tư nhân tham gia đầu tư, bổ sung linh hoạt hình thức vốn ngoài ngân sách; 4) cho phép điều chỉnh cơ chế nhanh theo thực tế, báo cáo lại Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.
- Hà Nội được đề xuất cơ chế đặc biệt để tăng tốc dự án lớn, trao quyền tự quyết mạnh hơn về đầu tư và giải phóng mặt bằng, chỉ định thầu khi cần, cùng phép tạm giao đất và áp dụng mức đền bù linh hoạt để rút ngắn thời gian khởi công.

Tin ngành và doanh nghiệp

- TLG – Kokuyo chi 27,6 tỷ yên để mua tối đa 65% cổ phần, mở rộng hiện diện tại Đông Nam Á:** Tập đoàn Kokuyo (Nhật Bản) dự kiến chi 27,6 tỷ yên (tương đương 4,5 nghìn tỷ đồng) để mua lại tối đa 65% cổ phần của Thiên Long (TLG), thương vụ dự kiến hoàn tất vào năm 2026, nhằm tăng tốc chiến lược mở rộng thị trường văn phòng phẩm tại Đông Nam Á.
- FPT – SCIC Investment muốn mua 2 triệu cổ phiếu, củng cố vị thế nhà đầu tư chiến lược của Nhà nước trong ngành công nghệ:** SCIC Investment là công ty con do SCIC sở hữu 100% vốn, mới đăng ký mua 2 triệu cổ phiếu FPT (tương đương gần 200 tỷ đồng), đánh dấu bước mở rộng đầu tư vào ngành công nghệ chủ lực của Việt Nam. Theo công bố trên HoSE ngày 04/12, SCIC Investment dự kiến thực hiện giao dịch trong giai đoạn 10/12/2025–08/01/2026 bằng phương thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận. Nếu hoàn tất, đơn vị sẽ nắm 0,11% vốn FPT, bên cạnh phần sở hữu 5,67% của SCIC tại tập đoàn.
- POM: Sau khi hợp tác với VinMetal, Pomina chuẩn bị hợp tái cấu trúc:** Công ty Cổ phần Thép Pomina sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 12/2025 để xem xét báo cáo tài chính 9 tháng và đặc biệt là phương án tái cấu trúc. Diễn biến này thu hút sự chú ý khi Pomina vừa được Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh VinMetal–thành viên của Tập đoàn Vingroup, đã ưu tiên lựa chọn trở thành nhà cung cấp thép.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục bơm ròng ngày 5/12 nhưng khối lượng đã giảm đáng kể so với đầu tuần và tuần trước. Ngoài ra, NHNN cũng đã nâng lãi suất cho vay trên OMO lên 4,5% sau khi giữ lãi suất 4,0% từ tháng 9/2024. Trong ngắn hạn, quyết định của NHNN nâng lãi suất OMO được xem là phù hợp, vì thu hẹp khoảng cách với lãi suất liên ngân hàng hiện xấp xỉ 7% và giúp chi phí vốn ngắn hạn phản ánh rõ hơn tình trạng thanh khoản căng thẳng. NHNN tiếp tục bơm ròng qua kênh OMO, cho thấy trọng tâm chính sách hiện nay là điều chỉnh lại mặt bằng lãi suất vốn ngắn hạn, thay vì tạo cú sốc thất chặt thanh khoản hệ thống. Năm 2024, NHNN cũng đã nâng lãi suất OMO từ 4,0% lên 4,5%, nhưng sau đó hạ trở lại 4% khi áp lực thanh khoản giảm.
- Tính chung tuần 1/12 – 5/12, NHNN đã bơm ròng 49,4 nghìn tỷ đồng, nâng tổng giá trị bơm ròng lũy kế lên mức cao nhất lịch sử 364 nghìn tỷ đồng.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,20	0,0	1,1	39,7	60,5
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	6,95	-4,8	22,4	80,5	67,5
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,15	-1,2	24,3	44,4	53,8
USD/VND	26.363	0,0	-0,2	-3,3	-3,7
DXY	98,98	0,0	-1,2	-8,8	-6,4
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,11	0,2	-1,2	-10,1	-1,6
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,55	0,1	-2,7	-17,0	-13,4

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.204,10	-0,2	5,3	59,2	60,1
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	59,50	-0,3	-0,2	-17,0	-12,9
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	63,14	-0,2	-0,6	-15,4	-12,4
Thép (USD/tấn)	453,0	0,2	0,6	-9,6	-10,8
Thịt heo (USD/kg)	1,6	0,2	-5,2	-27,2	-27,5
Gạo (USD/tấn)	457,7	1,8	-1,1	-28,1	-33,4
Phân urea (USD/tấn)	363,0	0,0	3,0	14,3	16,2

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
<u>Thứ Hai</u> 01/12/2025	<u>Việt Nam</u>	Chỉ số PMI sản xuất tháng 11.2025
	Trung Quốc	Chỉ số PMI sản xuất tháng 11.2025
<u>Thứ Ba</u> 02/12/2025	Mỹ	Chủ tịch Fed phát biểu
	EU	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11.2025
<u>Thứ Sáu</u> 05/12/2025	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 9.2025
<u>Thứ Bảy</u> 06/12/2025	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 11.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.324	1,7	3.404	53.900	73.300	37,0%	1,0%	18,1	2,9	17%
AST	131	0,0	5	76.800	85.400	14,5%	3,3%	15,2	5,4	38%
HVN	3.405	1,8	715	28.850	43.400	52,6%	2,2%	9,6	16,1	
VJC	4.263	15,2	975	207.500	113.600	-44,8%	0,5%	71,4	5,0	8%

Bán lẻ

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
BAF	397	2,6	187	34.450	37.200	8,0%		18,7	2,4	13%
DGW	365	3,0	95	43.550	49.600	15,0%	1,1%	18,0	2,9	17%
FRT	1.034	3,2	174	160.000	150.300	-5,8%	0,2%	44,2	8,8	25%
MCH	8.702	3,2	3.047	217.100	147.000	-31,1%	1,2%	32,8	14,4	44%
MWG	4.772	22,6	126	85.100	96.300	14,3%	1,2%	21,5	4,0	20%
PNJ	1.185	2,1	0	91.600	109.900	21,5%	1,5%	13,7	2,6	21%
QNS	632	0,2	258	45.300	53.400	20,1%	2,2%	7,4	1,4	20%
SAB	2.423	1,7	1.004	49.800	59.900	24,3%	4,0%	15,1	2,8	18%
VHC	484	3,2	389	56.800	71.300	29,0%	3,5%	8,2	1,3	17%
VNM	5.026	11,8	2.496	63.400	74.800	22,5%	4,5%	17,1	3,9	24%
Tài chính										
ACB	4.744	12,7	47	24.350	31.300	32,1%	3,6%	7,2	1,4	20%
BID	10.067	5,4	1.294	37.800	47.200	26,1%	1,2%	10,0	1,6	18%
CTG	10.490	17,4	466	51.500	49.000	-4,0%	0,9%	8,3	1,6	22%
HDB	4.824	19,8	154	32.950	34.900	8,4%	2,5%	7,9	1,8	25%
LPB	5.450	4,6	220	48.100	33.400	-25,4%	5,2%	13,9	3,3	25%
MBB	7.684	28,1	185	25.150	32.900	32,8%	2,0%	8,3	1,6	21%
STB	3.518	17,0	533	49.200	45.700	-5,9%	1,3%	7,5	1,5	22%
TCB	9.327	22,6	3	34.700	40.300	19,0%	2,9%	11,2	1,5	14%
TPB	1.831	10,5	98	17.400	17.800	7,8%	5,5%	7,4	1,2	17%
VCB	18.478	10,7	1.603	58.300	69.300	19,6%	0,8%	13,9	2,2	17%
VIB	2.408	6,1	0	18.650	23.600	29,8%	3,3%	8,4	1,4	18%
VPB	8.983	33,5	508	29.850	37.100	26,0%	1,7%	11,5	1,5	14%
Dệt may										
MSH	144	0,5	65	33.800	40.600	32,0%	11,8%	6,6	1,7	28%
TCM	118	1,5	2	27.800	29.800	8,8%	1,6%	12,1	1,3	11%
Khu công nghiệp										
BCM	2.591	0,6	822	66.000	68.600	5,5%	1,5%	18,6	3,2	18%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
GMD	987	5,6	57	61.000	72.000	21,3%	3,3%	19,9	2,0	12%
HAH	384	5,2	89	59.900	55.400	-6,2%	1,3%	8,7	2,4	31%
VSC	321	10,3	150	22.600	19.100	-13,3%	2,2%	18,7	1,6	9%
IDC	556	3,4	211	38.600	45.600	22,0%	3,9%	8,0	2,2	31%
KBC	1.243	8,7	480	34.800	30.000	-12,7%	1,1%	18,6	1,4	7%
PHR	298	0,5	105	58.000	68.400	20,3%	2,3%	11,7	2,0	17%
VTP	459	2,7	203	99.300	129.200	31,2%	1,1%	41,0	6,9	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.369	6,7	525	95.000	128.300	38,2%	3,2%	12,2	2,3	20%
HPG	7.861	48,9	2.324	27.000	30.000	12,2%	1,1%	14,4	1,7	12%
Dầu khí										
BSR	2.887	6,7	1.401	15.200	16.700	12,7%	2,9%	36,8	1,3	4%
GAS	5.858	1,8	2.764	64.000	78.400	25,7%	3,2%	12,8	2,4	20%
OIL	416	0,4	25	10.600	14.800	42,0%	2,4%	33,5	1,1	3%
PLX	1.658	2,1	82	34.400	47.700	42,2%	3,5%	17,6	1,7	10%
PVD	549	7,2	223	26.050	27.850	16,5%	9,6%	16,0	0,9	6%
PVS	629	5,7	226	32.400	44.800	40,3%	2,0%	11,4	1,2	11%
PVT	337	2,3	133	18.900	23.400	25,0%	1,2%	9,0	1,1	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	598	3,8	277	23.200	23.300	4,2%	3,7%	20,4	1,4	7%
DCM	687	3,5	311	34.200	40.000	22,8%	5,8%	10,4	1,7	17%
DDV	145	1,3	66	26.200	39.700	55,0%	3,4%	22,7	2,2	10%
PLC	79	0,3	38	25.800	34.800	36,8%	1,9%	17,5	1,6	9%
Điện										
POW	1.337	4,8	616	15.050	17.600	18,3%	1,3%	18,5	1,0	6%
Điện và BĐS										
HDG	437	5,0	127	31.150	37.400	21,4%	1,3%	33,2	1,8	5%
PC1	360	2,4	162	23.100	30.500			19,0	1,6	9%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
REE	1.319	1,4	0	64.200	76.600	20,7%	1,4%	13,4	1,7	13%

Bất động sản

DXG	721	18,1	216	18.650	18.300	8,8%	10,7%	45,7	1,5	3%
KDH	1.445	8,5	327	33.950	41.800	24,0%	0,9%	42,5	2,1	5%
NLG	655	4,2	31	35.600	42.200	19,8%	1,3%	18,5	1,5	9%
VHM	16.671	23,4	6.849	107.000	93.600			16,8	2,0	13%
VRE	2.913	14,5	1.022	33.800	32.000	-2,2%	3,1%	15,8	1,7	11%

Công nghệ

FPT	6.216	35,9	629	96.200	118.200	23,9%	1,0%	18,2	4,6	27%
-----	-------	------	-----	--------	---------	-------	------	------	-----	-----

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA